

## **Trung Quốc ban hành tiêu chuẩn sản phẩm về chất kết dính cho vật liệu và sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm**

*Chất kết dính tiếp xúc với thực phẩm được phân loại thành hai loại dựa trên việc chúng có tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm hay không. Nguyên liệu thô được sử dụng trong chất kết dính tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm phải tuân theo nhiều hạn chế hơn.*

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, Ủy ban Y tế Quốc gia Trung Quốc đã công bố ban hành *Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia GB 4806.15-2024 về Keo dán cho Vật liệu và Đồ dùng Tiếp xúc với Thực phẩm*. Tiêu chuẩn mới này quy định các thuật ngữ và định nghĩa, phân loại sản phẩm, yêu cầu cơ bản, thông số kỹ thuật, nhãn mác, v.v. của keo dán được sử dụng trong vật liệu và đồ dùng tiếp xúc với thực phẩm.

Chất kết dính cho vật liệu và sản phẩm tiếp xúc thực phẩm: trong các vật liệu và sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm, vật liệu được liên kết thông qua phương thức vật lý hoặc hóa học và tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp với thực phẩm. Tùy theo việc chúng có tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm hay không, chất kết dính cho vật liệu và sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm có thể được chia thành hai loại: Chất kết dính tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm và chất kết dính để tiếp xúc gián tiếp với thực phẩm. Nội dung chính của tiêu chuẩn này như sau:

### *Phạm vi ứng dụng*

Thích hợp cho chất kết dính cho vật liệu và sản phẩm tiếp xúc thực phẩm.

### *Điều khoản và định nghĩa*

Chất kết dính cho vật liệu và sản phẩm tiếp xúc thực phẩm: trong các vật liệu và sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm, vật liệu được liên kết thông qua phương thức vật lý hoặc hóa học và tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp với thực phẩm.

### *Danh mục sản phẩm*

Tùy theo việc chúng có tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm hay không, chất kết dính cho vật liệu và sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm có thể được chia thành hai loại: chất kết dính tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm và chất kết dính để tiếp xúc gián tiếp với thực phẩm.

### *Những yêu cầu cơ bản*

1. Chất kết dính được sử dụng cho vật liệu và sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm phải tuân thủ các quy định của GB4806.1 .

2. Các nhà sản xuất và người sử dụng chất kết dính cho vật liệu và sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm phải đáp ứng các yêu cầu kiểm soát rủi ro an toàn.

### *Yêu cầu về nguyên liệu*

1. Yêu cầu nguyên liệu cơ bản: Việc sử dụng nguyên liệu cơ bản cho chất kết dính tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm phải tuân thủ các yêu cầu tại Phụ lục A và các công bố liên quan. Việc sử dụng nguyên liệu cơ bản làm chất kết dính tiếp xúc gián tiếp với thực phẩm phải tuân thủ các yêu cầu tại Phụ lục A, Phụ lục B và các công bố liên quan.

2. Yêu cầu về chất phụ gia: phải tuân thủ các yêu cầu của GB9685 và các công bố liên quan.

### *Yêu cầu về cảm quan*

Các lớp dính để tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm phải đáp ứng các yêu cầu về cảm quan sau:

Hạng mục	Yêu cầu
Cảm quan	Màu sắc bình thường, không có mùi, tạp chất
Chất lỏng ngậm	Chất ngậm được dùng trong thử nghiệm di chuyển không có sự thay đổi về tính chất giác quan như màu sắc, sự lắng đọng, mùi khác thường....

Các chỉ tiêu lý, hóa tổng quát

Hạng mục	Yêu cầu	Tiêu chuẩn
Tổng lượng chuyển di a/(mg/dm <sup>2</sup> )b	≤10	GB31604.8
Tiêu thụ kali permanganate a /(mg/kg) nước 60 độ C, 2h	≤10	GB31604.2
Kim loại nặng (theo Pb) a /(mg/kg), 4%Axitacetic (phân số thể tích) (60 độC, 2h)	≤1	GB31604.9
Tổng độ di chuyển của Peramin c/(mg/dm)	Không phát hiện (mức độ phát hiện 0.01mg/kg)	GB31604.52

*Trong đó:*

- Chỉ thích hợp cho lớp keo tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. Đối với lớp dính tiếp xúc gián tiếp với thực phẩm, phải được thực hiện theo quy định của tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia tương ứng đối với lớp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

- Chất kết dính cho các vật liệu và sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm được sử dụng đặc biệt cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ phải được chuyển đổi theo tỷ lệ diện tích trên thể tích trong sử dụng thực tế là mg/kg và giới hạn là ≤60mg/kg.

- Chỉ áp dụng cho các chất kết dính có chứa polyurethane thơm và các chất kết dính khác có thể tạo ra các amin thơm. Sau khi phản ứng đóng rắn kết dính hoàn tất, lượng di chuyển của các amin thơm sơ cấp phải được kiểm tra trên các vật liệu tiếp xúc với thực phẩm và sản phẩm cuối cùng. Giới hạn miễn nhiễm của các amin thơm được quy định tại Phụ lục A, Phụ lục B của tiêu chuẩn này, GB9685 và các công bố liên quan và các giới hạn của chúng phải được thực hiện theo các quy định liên quan.

*Các chỉ tiêu lý, hóa khác*

1. Chất kết dính dùng cho vật liệu và sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm phải tuân thủ các giới hạn phơi nhiễm cụ thể (SML), tổng giới hạn phơi nhiễm [SML(T)] , dư lượng tối đa (QM) , v.v. đối với nguyên liệu thô cơ bản trong Phụ lục A , Phụ lục B và các thông báo liên quan, quy định về các chỉ tiêu lý hóa.

2. Chất kết dính cho vật liệu và sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm phải tuân thủ SML , SML(T) , QM và các chỉ số vật lý và hóa học khác của các chất phụ gia được quy định trong GB9685 và các thông báo liên quan.

*Nhận dạng nhãn*

1. Việc nhận dạng nhãn phải tuân theo các quy định của GB4806.1 .

2. Sản phẩm có chất kết dính phải ghi rõ chủng loại sản phẩm (chất kết dính tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, chất kết dính tiếp xúc gián tiếp với thực phẩm) trên nhãn.

*Bao bì, các dụng cụ, vật liệu, tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm là một trong những sản phẩm chịu tác động của Quy định GB 4806.15-2024*

Các sản phẩm có tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bao gồm: bao bì đựng thực phẩm, khay, ly, chén, bát, đĩa làm bằng nhựa, bằng gỗ, bằng giấy và đũa tre, đũa gỗ... Trong đó, các sản phẩm có sử dụng chất kết dính chủ yếu là bao bì, khay, ly, chén, bát, đĩa, bộ đồ ăn, nhà bếp làm bằng giấy. Theo thống kê của ITC, trong giai đoạn 2019 - 2023, nhập khẩu nhóm sản phẩm này của Trung Quốc có xu hướng giảm, mặc dù tăng mạnh trong năm 2021 do dịch Covid-19 khiến thương mại điện tử tăng mạnh. Theo đó, kim ngạch nhập khẩu nhóm sản phẩm bao bì, khay, ly, chén, bát, đĩa, bộ đồ ăn, nhà bếp làm bằng giấy tăng lên 159,5 triệu USD vào năm 2021 rồi giảm dần xuống còn 117 triệu USD vào năm 2023. Tính chung, giai đoạn 2019 - 2023, kim ngạch nhóm hàng của Trung Quốc giảm trung bình 3,8%/năm. Theo đó, trong khi nhập khẩu các sản phẩm mã HS 48191000, HS 48192000 và HS 48193000 giảm thì nhập khẩu sản phẩm mã HS 48194000 lại tăng 6%.

**Chủng loại sản phẩm bao bì, khay, ly, chén, bát, đĩa, bộ đồ ăn, nhà bếp làm bằng giấy nhập khẩu của Trung Quốc giai đoạn 2019 – 2023 (ĐVT: Nghìn USD)**

Mã HS	Mô tả	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Tăng trưởng trung bình (%)
48191000	Thùng/hộp bằng giấy gợn sóng hoặc bìa cứng	42.817	41.581	44.681	31.957	28.466	-8,7
48192000	Thùng/hộp/thùng gấp, bằng giấy hoặc bìa cứng không gợn sóng	67.162	59.274	65.283	44.544	52.518	-3,9
48193000	Bao, túi có đáy rộng 40cm bằng giấy, bìa cứng	5.911	5.778	6.281	5.102	4.680	-5,1
48194000	Bao, túi, bao gồm cả nón bằng giấy, bìa cứng, nes	27.297	31.063	41.796	27.571	30.279	6,0
48236100	Khay, đĩa, đĩa, cốc & các loại tương tự, bằng giấy hoặc bìa các tông từ bột tre	18	16	19	12	7	-17,7
48236910	Khay, đĩa, đĩa, cốc & các loại tương tự, bằng giấy bìa cứng từ bột giấy không phải gỗ	81	27	18	63	59	35,9
48236990	Khay, đĩa, đĩa, cốc & các loại tương tự, bằng	2.994	1.831	1.383	1.589	1.051	-20,6

Mã HS	Mô tả	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Tăng trưởng trung bình (%)
	giấy bìa cứng, nes						
	<b>Tổng</b>	146.280	139.570	159.461	110.838	117.060	-3,8

*Nguồn: ITC*

Trong giai đoạn 2019 - 2023, hầu hết các mã sản phẩm bao bì, khay, ly, chén, bát, đĩa, bộ đồ ăn, nhà bếp làm bằng giấy của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc vẫn chiếm tỷ trọng thấp, trừ sản phẩm mã HS 48194000 chiếm tỷ trọng trên 10%. Trong đó, Trung Quốc không nhập khẩu nhóm sản phẩm mã HS 48236100, HS 48236910 và HS 48236990 từ Việt Nam.

**Thị phần sản phẩm bao bì, khay, ly, chén, bát, đĩa, bộ đồ ăn, nhà bếp làm bằng giấy của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc giai đoạn 2019 – 2023 (%)**

Mã HS	Mô tả	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
48191000	Thùng/hộp bằng giấy gọn sóng hoặc bìa cứng	3,8	6,3	4,8	5,0	4,0
48192000	Thùng/hộp/thùng gấp, bằng giấy hoặc bìa cứng không gọn sóng	5,4	6,4	3,9	3,0	3,5
48193000	Bao, túi có đáy rộng 40cm bằng giấy, bìa cứng	2,5	0,2	0,9	2,3	1,0
48194000	Bao, túi, bao gồm cả nón bằng giấy, bìa cứng, nes	14,0	10,9	9,6	13,8	10,4
48236100	Khay, đĩa, cốc & các loại tương tự, bằng giấy hoặc bìa các tông từ bột tre	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
48236910	Khay, đĩa, cốc & các loại tương tự, bằng giấy bìa cứng từ bột giấy không phải gỗ	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
48236990	Khay, đĩa, cốc & các loại tương tự, bằng giấy bìa cứng, nes	0,2	1,8	0,6	0,0	0,1
	<b>Tổng</b>	6,3	7,1	5,5	6,2	5,3

*Nguồn: ITC*

Trong 6 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu nhóm sản phẩm bao bì, khay, ly, chén, bát, đĩa, bộ đồ ăn, nhà bếp làm bằng giấy của Trung Quốc tiếp tục giảm mạnh do kinh tế nước này vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, đặc biệt là tiêu dùng nội địa tăng trưởng thấp. Theo thống kê của ITC, trong 6 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu nhóm hàng này của Trung Quốc đạt 44,7 triệu USD, giảm 22,2% so

với cùng kỳ năm trước. Trong đó, nhập khẩu từ Việt Nam đạt 3,4 triệu USD, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm 2023. Đáng chú ý, nhập khẩu thùng/hộp bằng giấy gợn sóng hoặc bìa cứng (mã HS 48191000) của Trung Quốc từ Việt Nam tăng mạnh, tăng 60,6% so với cùng kỳ năm 2023, đạt 885 nghìn USD trong 6 tháng đầu năm 2024.

**Nhập khẩu bao bì, khay, ly, chén, bát, đĩa, bộ đồ ăn, nhà bếp làm bằng giấy của Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm 2024**

Mã HS	Mô tả	Nhập khẩu của Trung Quốc (Nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2024 (%)	Nhập khẩu từ Việt Nam (Nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam (%)
48194000	Bao, túi, bao gồm cả nón bằng giấy, bìa cứng, nes	12.995	-10,9	1.918	5,8	14,8
48191000	Thùng/hộp bằng giấy gợn sóng hoặc bìa cứng	11.583	-24,2	885	60,6	7,6
48192000	Thùng/hộp/thùng gấp, bằng giấy hoặc bìa cứng không gợn sóng	17.551	-29,2	585	-17,3	3,3
48193000	Bao, túi có đáy rộng 40cm bằng giấy, bìa cứng	1.920	-11,2	28	7,7	1,5
48236990	Khay, đĩa, đĩa, cốc & các loại tương tự, bằng giấy bìa cứng, nes	543	-6,4	1		0,2
48236910	Khay, đĩa, đĩa, cốc & các loại tương tự, bằng giấy bìa cứng từ bột giấy không phải gỗ	84	154,5	0		0,0
48236100	Khay, đĩa, đĩa, cốc & các loại tương tự, bằng giấy hoặc bìa các tông từ bột tre	3	-25,0	0		0,0
	<i>Tổng</i>	44.679	-22,2	3.417	10,4	7,6

*Nguồn: ITC*

*Đỗ Thị Tuyền (VITIC) thực hiện*

Ngày 28/02/2023 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 165/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030. Đề án đặt mục tiêu tái cơ cấu ngành Công Thương nhằm thực hiện chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh; Tạo lập các động lực tăng trưởng mới gắn với chuyển biến về chất mô hình tăng trưởng của ngành Công Thương cùng một mô hình quản trị nhà nước năng động, hiệu quả, hiện đại và có tính thích ứng cao để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh và bền vững;

Một trong những định hướng chiến lược của Đề án là nâng cao khả năng đáp ứng quy định, tiêu chuẩn cao về chất lượng của các thị trường xuất khẩu, đặc biệt là các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các bon thấp, lao động và công đoàn.